

Số: **2260**/QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày **24** tháng **10** năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo  
trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh năm 2019**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-LĐTBXH ngày 08/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1182/QĐ-ĐHLĐXH ngày 24/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2256/QĐ-ĐHLĐXH ngày 24/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc quy định điểm chuẩn trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh năm 2019;

Căn cứ Biên bản họp ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh năm 2019;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh năm 2019,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận 21 thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh năm 2019 của Trường Đại học Lao động - Xã hội, được tổ chức thi trong các ngày 19-20/10/2019, gồm các thí sinh có tên trong danh sách đính kèm.

**Điều 2.** Quyền lợi và nghĩa vụ của các thí sinh trúng tuyển được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, trưởng phòng Kế toán - Tài chính, trưởng



khoa Sau đại học, trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh trúng tuyển có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 8

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, KSDH.





# DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Kèm theo Quyết định số: **2260** /QĐ-ĐHLĐXH, ngày **24** tháng **10** năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

| STT | SBD     | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Miễn thi Tiếng Anh | Đổi tượng ưu tiên | Kinh tế vi mô (1) | Quản trị học (2) | Tiếng Anh | Tổng (1)+(2) | Ghi chú            |
|-----|---------|----------------------|-----------|------------|-----------|--------------------|-------------------|-------------------|------------------|-----------|--------------|--------------------|
| 1   | QK11001 | Nguyễn Ngọc Anh      | Nữ        | 19/06/1974 | Hà Nội    | Cử nhân TA         |                   | 8,55              | 7,10             | -----     | 15,65        | Miễn thi Tiếng Anh |
| 2   | QK11002 | Nguyễn Văn Công      | Nam       | 08/06/1996 | Hà Nội    | TOEIC 590          |                   | 8,75              | 5,05             | -----     | 13,80        | Miễn thi Tiếng Anh |
| 3   | QK11003 | Nguyễn Tiến Cường    | Nam       | 03/05/1973 | Phú Thọ   |                    |                   | 7,05              | 5,10             | 64,00     | 12,15        |                    |
| 4   | QK11004 | Lê Tiến Dũng         | Nam       | 25/04/1992 | Thái Bình |                    |                   | 8,80              | 5,50             | 58,00     | 14,30        |                    |
| 5   | QK11006 | Nguyễn Thị Minh Đức  | Nữ        | 11/04/1982 | Vĩnh Phú  |                    |                   | 8,30              | 6,25             | 67,00     | 14,55        |                    |
| 6   | QK11007 | Nguyễn Thị Thu Hiền  | Nữ        | 04/12/1996 | Hải Phòng |                    |                   | 8,00              | 5,05             | 80,00     | 13,05        |                    |
| 7   | QK11008 | Chu Quang Hiếu       | Nam       | 08/11/1997 | Hưng Yên  |                    |                   | 7,30              | 5,05             | 73,00     | 12,35        |                    |
| 8   | QK11009 | Vũ Đình Hoà          | Nam       | 01/09/1983 | Hải Phòng |                    |                   | 9,05              | 7,20             | 68,00     | 16,25        |                    |
| 9   | QK11010 | Trần Việt Hoàn       | Nam       | 14/11/1995 | Hà Nội    |                    |                   | 9,55              | 6,30             | 64,00     | 15,85        |                    |
| 10  | QK11011 | Nguyễn Mỹ Hương      | Nữ        | 25/03/1977 | Hà Nội    |                    |                   | 7,05              | 5,75             | 63,00     | 12,80        |                    |
| 11  | QK11012 | Phạm Phúc Khang      | Nam       | 08/01/1986 | Nam Định  |                    |                   | 8,55              | 5,05             | 61,00     | 13,60        |                    |
| 12  | QK11013 | Nguyễn Việt Linh     | Nam       | 14/05/1989 | Hà Nội    |                    |                   | 9,55              | 5,00             | 80,00     | 14,55        |                    |
| 13  | QK11014 | Đỗ Thị Mười          | Nữ        | 03/03/1986 | Yên Bái   |                    |                   | 9,80              | 6,00             | 76,00     | 15,80        |                    |
| 14  | QK11015 | Nguyễn Ngọc Vân Nga  | Nữ        | 20/09/1996 | Hà Nội    |                    |                   | 9,55              | 6,40             | 70,00     | 15,95        |                    |
| 15  | QK11016 | Nguyễn Hồng Nhung    | Nữ        | 07/03/1996 | Thanh Hoá |                    |                   | 8,85              | 6,00             | 51,00     | 14,85        |                    |
| 16  | QK11017 | Nguyễn Thị Phương    | Nữ        | 16/10/1988 | Hà Giang  |                    |                   | 9,55              | 6,20             | 78,00     | 15,75        |                    |
| 17  | QK11018 | Vũ Kim Phượng        | Nữ        | 03/03/1993 | Thái Bình |                    |                   | 9,55              | 5,70             | 63,00     | 15,25        |                    |
| 18  | QK11019 | Phạm Thị Phương Thảo | Nữ        | 29/12/1994 | Sơn La    |                    |                   | 9,35              | 5,45             | 68,00     | 14,80        |                    |



| STT | SBD     | Họ và tên       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Miễn thi Tiếng Anh | Đôi tượng ưu tiên | Kinh tế vi mô (1) | Quản trị học (2) | Tiếng Anh | Tổng (1)+(2) | Ghi chú            |
|-----|---------|-----------------|-----------|------------|-----------|--------------------|-------------------|-------------------|------------------|-----------|--------------|--------------------|
| 19  | QK11020 | Lê Thị Thu      | Nữ        | 17/03/1988 | Hà Nội    | TOEIC 455          |                   | 9,30              | 6,20             | -----     | 15,50        | Miễn thi Tiếng Anh |
| 20  | QK11021 | Phạm Đức Toàn   | Nam       | 13/07/1996 | Hải Dương |                    |                   | 8,85              | 5,25             | 65,00     | 14,10        |                    |
| 21  | QK11022 | Trần Ngọc Triệu | Nam       | 16/08/1995 | Hà Nội    |                    |                   | 8,25              | 6,20             | 64,00     | 14,45        |                    |

Danh sách có 21 thí sinh trúng tuyển./.

**HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Hà Xuân Hùng**

